

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/06/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK21+P7+TD1	7:25	3+18+0	0+0+0		0+17+3	0+0+0	
2		P3+TD2	7:25	6+16	0+0		5+17	0+0	
3		PVD1	7:25	22	0		22	0	
4		MRRM+PVD1	9:25	13+6	0+0		8+14	0+0	
5		CTK3+BK16+TD2	9:25	14+0+6	0+0+0		11+0+11	0+0+0	chuyen 1ctk3-bk16
6		P2+TD2	9:25	9+9	0+0		1+21	0+0	
7		RP2+MRRM	11:25	8+10	0+0		3+17	0+0	

TTĐBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/GIAN P9 VỀ QUA td2

FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/06/2022	TO: BK21 - P7 - TD1	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Linh - Duong - N Nam	ETA: 09:10
XANH-1			

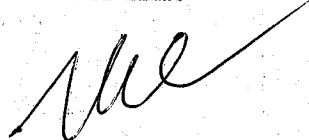
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TANG TIEN TOAN	BK21	27	1	12	40	81	DVL	Vietnamese
2	NGUYEN VAN DONG	BK21	24-25	2	19		71	DVL	Vietnamese
3	NGUYEN DUNG	BK21	26	1	13		50	DVL	Vietnamese
4	DUONG DIEP PHI	P7				100	77	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN BA LUONG	P7					70	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN TRONG THUY	P7					67	KHOAN	Vietnamese
7	DAU VAN MINH	P7					75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN XUAN HAU	P7	64-65	2	7		73	KHOAN	Vietnamese
9	NHAM DUC QUANG	P7	69	1	3		77	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN HUU NAM	P7	63	1	5		89	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HUYNH	P7	68	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG NHAT QUANG	P7	56	1	6		55	KHOAN	Vietnamese
13	LE XUAN TUYEN	P7					62	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN QUANG	P7	62	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	LE HUU HAU	P7	55	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
16	HA KHUONG DUY	P7	70-71	2	15		64	KHOAN	Vietnamese
17	LUU DINH MINH	P7	57-58	2	20		75	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN XUAN KY	P7	54	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
19	VU VAN TUONG	P7	60-61	2	11		65	D-HANH	Vietnamese
20	TRAN TUAN ANH	P7	66-67	2	18		66	D-HANH	Vietnamese
21	NGUYEN VIET HUNG	P7	59	1	12		61	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

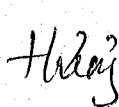
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK21	3	4	44	202	40	0		
2	P7	18	18	117	1.262	100	17		
3	TD1	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		21	22	161	1.464	140	20		
WEIGHT KG				161	1.464	140			

GRAND TOAL: 1.725 KGS + 40kg

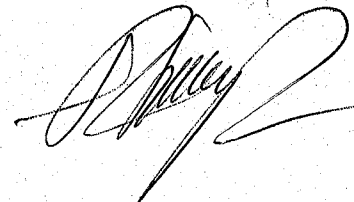
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: P3 - TD2	CREW: Phong - KHOAN - PTUAN	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM TUAN LONG	P3	74	1	13	13	84	XAYLAP	Vietnamese
2	BUI NGOC HOANG	P3	70-72	3	20		65	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAM NGOC HOA	P3	66-67	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN DUC ANH	P3	68-69	2	20		80	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐANG XUAN THANG	P3	64-65	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
6	VU CONG VIEN	P3	73	1	12		69	XAYLAP	Vietnamese
7	NOROV DENIS	TD2	35	1	17		92	KHOAN	Russian
8	VUONG DINH LIEN	TD2	44	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
9	BUI NGOC DUNG	TD2	42	1	4		79	KHOAN	Vietnamese
10	NGO VAN BAC	TD2	39	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
11	ĐO VAN CUONG	TD2	32	1	8		82	KHOAN	Vietnamese
12	BUI NGOC DO	TD2	34	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	LE VIET CHIEN	TD2	33	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
14	QUACH VAN TOI	TD2	41	1	3		82	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM VAN THANG	TD2	43	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG DINH THANG	TD2					62	KHOAN	Vietnamese
17	BUI THO DUONG	TD2	40	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
18	SUSTAVOV V.S	TD2	37	1	9		114	D-HANH	Russian
19	PHAN VAN DIEP	TD2					83	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN KHAC HA TRUNG	TD2	38	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
21	TRINH QUOC KHANH	TD2	36	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
22	DINH DUY HAI	TD2	45	1	8		72	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	6	11	103	433	13	5		
2	TD2	16	14	90	1.246	0	17		
TOTAL		22	25	193	1.679	13	22		
WEIGHT KG				193	1.679	13			

GRAND TOAL: 1.885 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/06/2022	TO: PVD1	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: QViệt - VLinH - Huy	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	FAWCETT JOHN BERNARD	PVD1	39-40	2	20	32	105	PVDRILLIN	British
2	NGO VIET PHUONG	PVD1	48	1	10		90	KHOAN	Vietnamese
3	NGO SY THUAN	PVD1	28	1	10		66	PVDRILLIN	Vietnamese
4	CHU VAN TUOC	PVD1	37	1	7		70	PVDRILLIN	Vietnamese
5	VU DUC CANH	PVD1	27	1	15		81	PVDRILLIN	Vietnamese
6	DOI DUY DUONG	PVD1	45	1	5		70	PVDRILLIN	Vietnamese
7	NGO THANH DOAN	PVD1	32-33	2	8		55	PVDRILLIN	Vietnamese
8	NGUYEN CONG CUONG	PVD1	41	1	8		55	PVDRILLIN	Vietnamese
9	LE VIET THUC	PVD1	47	1	7		85	PVDRILLIN	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG VUONG	PVD1	36	1	10		74	PVDRILLIN	Vietnamese
11	HUO DAI PHUONG	PVD1	49	1	8		72	PVDRILLIN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN THOM	PVD1	38	1	5		56	PVDRILLIN	Vietnamese
13	PHAM VAN DUNG (1992)	PVD1	31	1	8		70	PVDRILLIN	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC HAI	PVD1	44	1	7		75	PVDRILLIN	Vietnamese
15	VU VAN TOAN	PVD1	29	1	7		66	PVDRILLIN	Vietnamese
16	ĐAM VAN HUNG	PVD1	35	1	5		52	PVDRILLIN	Vietnamese
17	NGUYEN QUOC HUONG	PVD1	43	1	5		65	PVDRILLIN	Vietnamese
18	NGO VAN TAO	PVD1	34	1	5		62	PVDRILLIN	Vietnamese
19	NGUYEN HUU TRI	PVD1	42	1	8		74	PVDRILLIN	Vietnamese
20	PHAM ANH SON	PVD1	30	1	5		80	PVDRILLIN	Vietnamese
21	NGUYEN VAN THIN	PVD1	46	1	8		64	PVDRILLIN	Vietnamese
22	NGUYEN HUU TUNG	PVD1	26	1	3		70	PVDRILLIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	22	24	174	1.557	32	22		
TOTAL		22	24	174	1.557	32	22		
WEIGHT KG				174	1.557	32			

GRAND TOTAL: 1.763 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/06/2022	TO: MRM - PVD1	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: CHIẾN - MTHAO - HIẾU	ETA: 11:10
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VILISOV V.	MRM	43-44	2	12		70	AMNGR	Russian
2	KIMAKOVSKII MAKSIM	MRM	28-29	2	10		83	AMNGR	Russian
3	BASHKIN ALEKSANDR	MRM	42	1	10		92	AMNGR	Russian
4	ZHESTKOV ALEXEY	MRM	33-34	2	18		102	AMNGR	Russian
5	ISAKOV ALEKSEI	MRM	39-40	2	12		107	AMNGR	Russian
6	GOLUBEV ALEKSANDR	MRM	30-31	2	13		90	AMNGR	Russian
7	KIMAKOVSKII STANISLAV	MRM	37-38	2	17		96	AMNGR	Russian
8	TSVETKOV OLEG	MRM	41	1	13		110	AMNGR	Russian
9	IAREMCHENKO TARAS	MRM	27	1	8		87	AMNGR	Russian
10	KICHEV ALEXEY	MRM	45	1	8		75	AMNGR	Russian
11	AZARENKOV KIRILL	MRM	32	1	10		102	AMNGR	Russian
12	STEPANOV OLEG	MRM	81	1	6		106	AMNGR	Russian
13	GRIGOREV ALEKSANDR	MRM	35-36	2	20		65	AMNGR	Russian
14	NGUY DINH BAO	PVD1	52	1	7		73	PVDRILLIN	Vietnamese
15	VÔ VĂN ĐỊNH	PVD1	63	1	8		76	PVDRILLIN	Vietnamese
16	ĐẶNG DUY NGÀI	PVD1	59	1	7		58	PVDRILLIN	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH SƠN	PVD1	58	1	10		81	PVDRILLIN	Vietnamese
18	PHẠM VĂN THOM	PVD1	61-62	2	15		84	PVDRILLIN	Vietnamese
19	LÊ QUANG ĐẠO	PVD1	55,57	2	18	7	78	PVDRILLIN	Vietnamese
20	VU HUY TOA	PVD1	53-54	2	18		66	PVDRILLIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	13	20	157	1.185	0	8		
2	PVD1	7	10	83	516	7	14		
TOTAL		20	30	240	1.701	7	22		
WEIGHT KG				240	1.701	7			

GRAND TOTAL: 1.948 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:35
FLIGHT: 5	TO: CTK3 - BK16 - TD2	CREW: Phong - XHOÀN - PTUÁN	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU TRONG NGHIA	CTK3	70-71	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
2	LAM SON CA	CTK3	69	1	7		60	KIM THIE	Vietnamese
3	HO KHAC MINH	CTK3	68	1	8		53	KIM THIE	Vietnamese
4	NGUYEN VAN BINH	CTK3	73	1	9		64	KIM THIE	Vietnamese
5	PHAM VAN TIEN	CTK3				12	52	KIM THIE	Vietnamese
6	DUONG VAN TIEN	CTK3	64	1	5	17	64	KIM THIE	Vietnamese
7	NGUYEN HUU NGA	CTK3	67	1	4	20	76	KIM THIE	Vietnamese
8	NGUYEN QUOC CUONG	CTK3	72	1	10		77	KIM THIE	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TRUNG	CTK3	65	1	8		68	KIM THIE	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG TRI	CTK3	66	1	3		60	KIM THIE	Vietnamese
11	NGUYEN MINH QUAN	CTK3	63	1	6		75	KIM THIE	Vietnamese
12	NGUYEN DINH HAI	CTK3	59	1	7		60	SAN BAY	Vietnamese
13	VU VAN DOAI	TD2	48-49	2	10		80	KHOAN	Vietnamese
14	LE VINH THUAT	TD2	51	1	7	18	77	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG VIET LINH	TD2	50	1	7	85	100	KHOAN	Vietnamese
16	DO XUAN VANG	TD2					83	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN VAN TU	TD2	47	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN NGUYEN MANH TUONG	TD2	52	1	5		65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	12	12	79	774	49	11	12	CHUYEN 1 PAX CTK3-BK16 +1 NB CTK3 VE
2	BK16	0	0	0	0	0	0	0	
3	TD2	6	6	36	473	103	11		
TOTAL		18	18	115	1.247	152	22		
WEIGHT KG				115	1.247	152			

GRAND TOAL: 1.514 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

pax ve + 1NB le 23 cho (xin pe)

FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/06/2022	TO: P2 - TD2	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: QViệt - VLin - Huy	ETA: 11:20
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	P2	05	1	9		76	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN VIỆT LỘC	P2	10-11	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
3	NGO TRUNG KIEN	P2	15-16	2	15	50	72	XAYLAP	Vietnamese
4	HOANG THANH SON	P2	08-09	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN THẾ ANH	P2	06-07	2	15		82	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HUÂN	P2	13-14	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU TUÂN	P2	12	1	8		61	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC HAO	P2	03-04	2	15	25	83	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM HỒNG VŨ	P2	02	1	12	8	48	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC ĐOÀN	TD2	18	1	7		53	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN VŨ HUNG	TD2	16-17	2	10		63	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ XUÂN	TD2	11	1	12		96	ANTOAN	Vietnamese
13	LUƠNG NGỌC HOANG	TD2	12	1	10	10	70	DVL	Vietnamese
14	ĐOÀN VĂN LAN	TD2	21	1	3		68	GETRACO	Vietnamese
15	PHẠM SY HUNG	TD2	15	1	10		60	GETRACO	Vietnamese
16	ĐINH EM	TD2	14	1	3		70	GETRACO	Vietnamese
17	TRẦN ANH TUÂN	TD2	19	1	5		63	GETRACO	Vietnamese
18	TRẦN PHÚC THẾ ANH	TD2	20	1	5		53	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

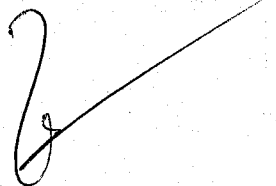
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	9	15	113	629	83	1		
2	TD2	9	10	65	596	10	21		
TOTAL		18	25	178	1.225	93	22		
WEIGHT KG				178	1.225	93			

GRAND TOAL: 1.496 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/06/2022	TO: RP2 - MRM	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:30
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: CHIẾN - MTHAO - HIẾU	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DUY CANH	RP2	02	1	5	78	53	GETRACO	Vietnamese
2	ĐỖ HAI ĐÀO	RP2	03	1	8	58	66	NAM TIEN	Vietnamese
3	TRẦN ĐÌNH KHƯƠNG	RP2	09	1	8		70	NAM TIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN SỸ	RP2	04	1	7		56	NAM TIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HAO	RP2	08	1	10		72	NAM TIEN	Vietnamese
6	TRÌNH VĂN THẮNG	RP2	07	1	5		75	NAM TIEN	Vietnamese
7	LÊ THANH SƠN	RP2	05	1	6		62	NAM TIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN TRẠI	RP2	06	1	6		85	NAM TIEN	Vietnamese
9	CHIRKIN DANIIL	MRM	52-53	2	15		65	AMNGR	Russian
10	DUBOGRAEV M.	MRM	50-51	2	20		77	AMNGR	Russian
11	RAKHMANOV SERGEY	MRM	57-58	2	7		66	AMNGR	Russian
12	CHEBYKIN KONSTANTIN	MRM	54-55	2	20		87	AMNGR	Russian
13	SAVELEV NIKITA	MRM	56	1	6		99	AMNGR	Russian
14	TRẦN LAM THỌ	MRM	47	1	5		55	AMNGR	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC THAI	MRM	48	1	5		59	AMNGR	Vietnamese
16	PHAN HUY CHUÔNG	MRM	49	1	5		65	AMNGR	Vietnamese
17	MAI ĐẠI HẢI	MRM	46	1	7		68	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	8	8	55	539	136	3		
2	MRM	9	13	90	641	0	17		
TOTAL		17	21	145	1.180	136	20		
WEIGHT KG				145	1.180	136			

GRAND TOTAL: 1.461 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

